



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM
Khoa Kế Toán – Kiểm Toán

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

GV: TS. Trần Phước

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.1 Kế toán thuế TNDN hiện hành:

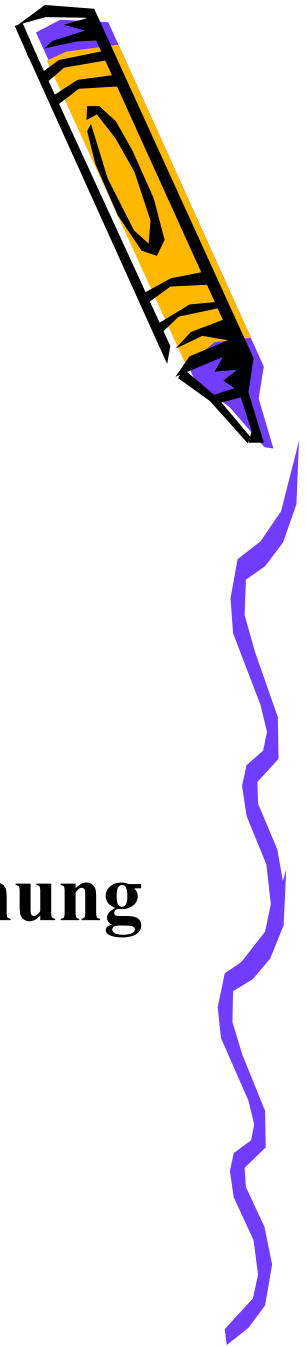
1.1.1 Khái niệm, phương pháp tính :

Thuế TNDN hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

Phương pháp tính:

$$\begin{array}{l} \text{Thuế thu} \\ \text{nhập doanh} \\ \text{nghiệp hiện} \\ \text{hành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{(theo luật} \\ \text{thuế TNDN)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế} \\ \text{thu nhập doanh} \\ \text{nghiệp hiện} \\ \text{hành} \end{array}$$

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.1 Kế toán thuế TNDN hiện hành:

1.1.2 Chứng từ kế toán:

- Các tờ khai thuế tạm nộp/ Quyết toán thuế TNDN hàng năm.
- Thông báo thuế và biên lai nộp thuế.
- Các chứng từ kế toán có liên quan khác.

1.1.3 Sổ kế toán: theo hình thức Nhật ký chung

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản 3334, 8211, 911.

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.1 Kế toán thuế TNDN hiện hành:

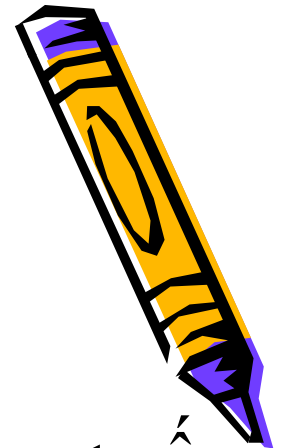
1.1.4 Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 8211 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành”

- **Bên Nợ:**

- Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.1 Kế toán thuế TNDN hiện hành:

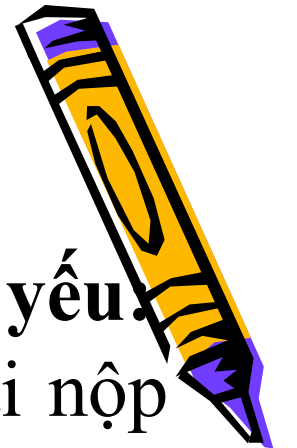
1.1.4 Tài khoản sử dụng:

- **Bên Có:**

- Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm < số thuế thu nhập tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế TNDN được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên Nợ TK 911

- **Tài khoản 8211 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” không có số dư cuối kỳ.**

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.1 Kế toán thuế TNDN hiện hành:

1.1.5 Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu.

- **Nghiệp vụ 1:** Số thuế TNDN hiện hành phải nộp trong kỳ do DN tự xác định:

Nợ TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành

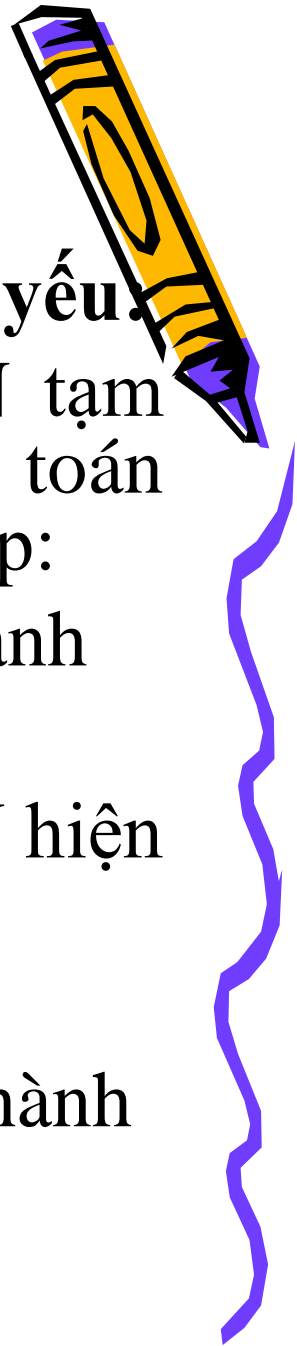
Có TK 3334: Thuế TNDN

- **Nghiệp vụ 2:** Khi xác định số thuế TNDN tạm nộp lớn hơn số thuế TNDN phải nộp, kế toán xác định số chênh lệch giữa số tạm nộp và số phải nộp:

Nợ TK 3334: Thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 8211 : Số chênh lệch

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.1 Kế toán thuế TNDN hiện hành:

1.1.5 Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu.

- **Nghiệp vụ 3:** Khi xác định số thuế TNDN tạm nộp nhỏ hơn số thuế TNDN phải nộp, kế toán phản ánh bổ sung số thuế TNDN còn phải nộp:

Nợ TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành

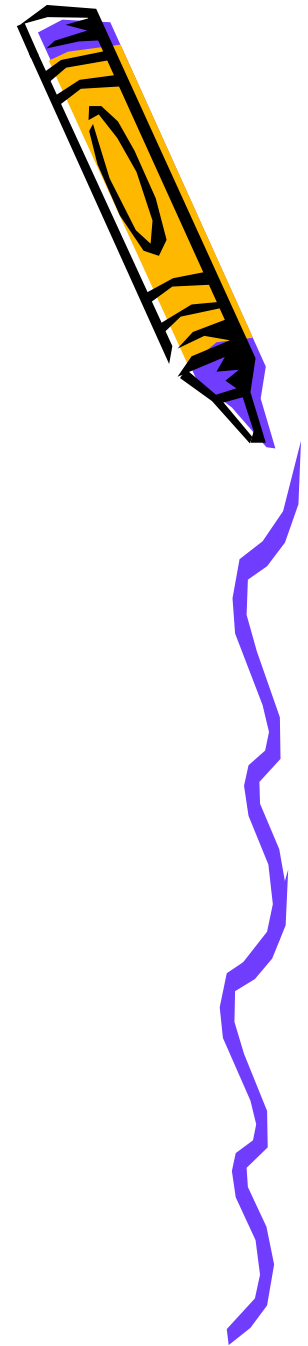
Có TK 3334: Thuế TNDN

- **Nghiệp vụ 4:** Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành, kế toán định khoản:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

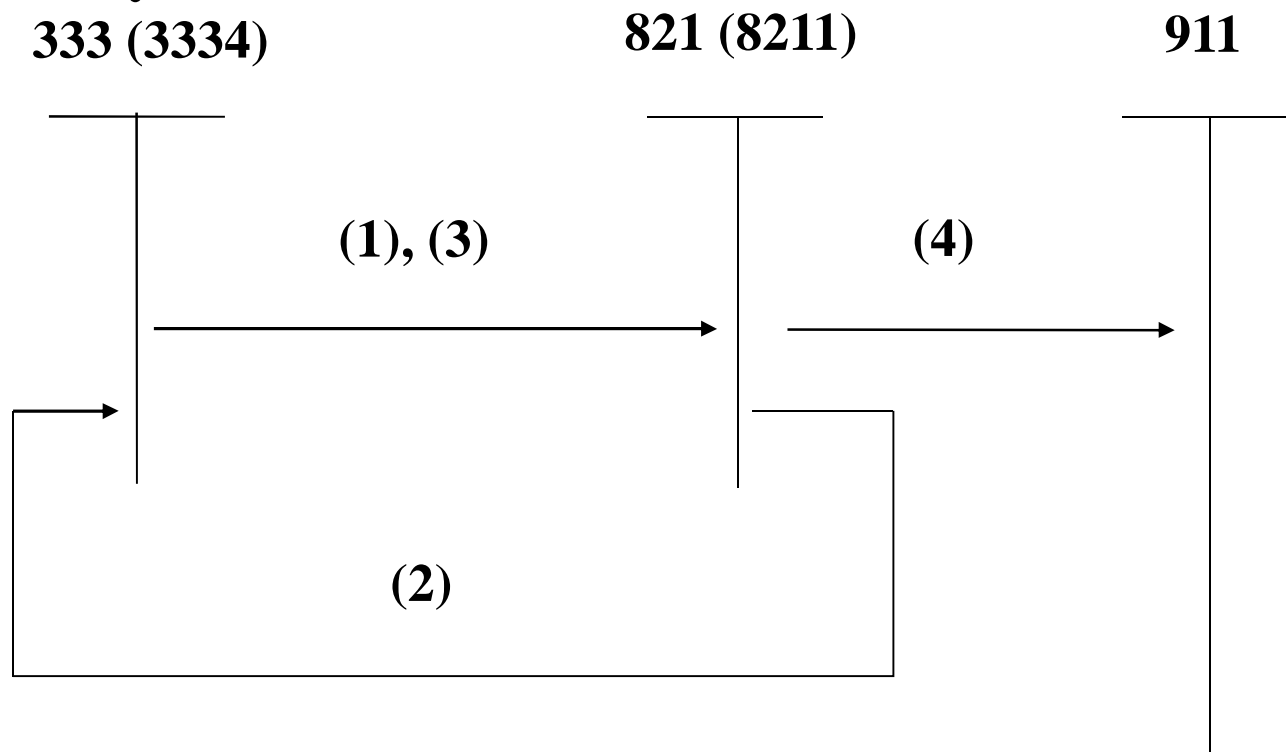
Có TK 8211: CP thuế TNDN hiện hành

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.1 Kế toán thuế TNDN hiện hành:

Sơ đồ hạch toán:



KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.1 Kế toán thuế TNDN hiện hành:

Ví dụ: Năm 2007 Công ty A có lợi nhuận kế toán: 100.000.000 đồng. Biết trong năm 2007, công ty có trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ 10.000.000 đồng. Tính CP thuế TNDN hiện hành.

- Lợi nhuận kế toán 100.000.000 đồng
- Thu nhập chịu thuế theo luật thuế TNDN:
 $100.000.000 + 10.000.000 = 110.000.000$ đồng
- Thuế TNDN phải nộp:
 $110.000.000 \times 28\% = 30.800.000$ đồng
- Chi phí thuế TNDN hiện hành 30.800.000 đồng

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2 Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại:

- **Thuế TNDN hoãn lại** là số thuế TNDN phải nộp hoặc được khấu trừ trong tương lai tính trên các khoản CL tạm thời.
- **Lợi nhuận kế toán:** là lợi nhuận xác định theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán nhằm đảm bảo tính trung thực hợp lý về tình hình tài chính và kinh doanh của doanh nghiệp.
- **Thu nhập chịu thuế:** là cơ sở để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp chịu sự chi phối của các quy định của luật thuế và các văn bản hướng dẫn.

Lợi nhuận kế toán = DT kế toán – CP kế toán

Thu nhập chịu thuế = DT theo luật thuế - CP hợp lý

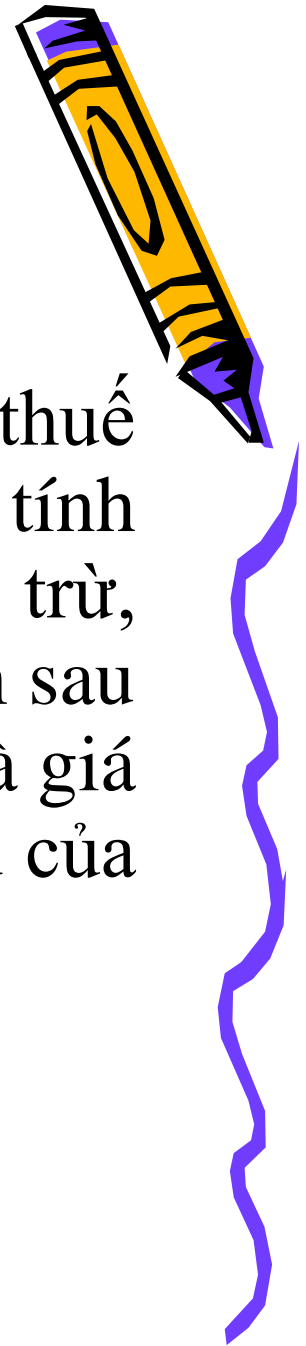
KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2 Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại:

- **CL vĩnh viễn:** là CL giữa LN kế toán và TN chịu thuế phát sinh từ các khoản DT, TN khác, CP được ghi nhận vào LN kế toán nhưng lại không được tính vào TN, CP khi xác định TN chịu thuế.
- ✓ **CL vĩnh viễn** không tạo ra khoản có thể bị đánh thuế hoặc khoản khấu trừ thuế trong tương lai, phát sinh năm nào sẽ được điều chỉnh để tính thu nhập chịu thuế cho năm đó (không ghi nhận và theo dõi riêng như CL tạm thời).
- **CL tạm thời:** là CL phát sinh do sự khác biệt về thời điểm doanh nghiệp ghi nhận TN hoặc CP, và thời điểm pháp luật về thuế quy định tính TN chịu thuế hoặc CP được khấu trừ khỏi TN chịu thuế.

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.1 Khái niệm, phương pháp tính:

- **Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:** Là thuế TNDN sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản: CL tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng và giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng.

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.1 Khái niệm, phương pháp tính:

a) **Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:** Là các khoản CL tạm thời làm phát sinh các khoản được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong tương lai khi mà giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả liên quan được thu hồi hay được thanh toán.

CL tạm thời được khấu trừ phát sinh khi:

+ Giá trị ghi sổ của Tài sản < Cơ sở tính thuế

+ Giá trị ghi sổ của Nợ phải trả > Cơ sở tính thuế

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

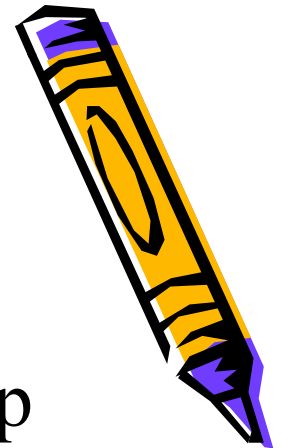


1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.1 Khái niệm, phương pháp tính:

- Tại các DN, Chênh lệch tạm thời được khấu trừ thường phát sinh từ các khoản sau:
 - **Chi phí trích trước:** trích trước CP sửa chữa lớn TSCĐ, trích trước CP lãi vay trả sau – dài hạn (gồm cả lãi trái phiếu), ...
 - **Chi phí khấu hao TSCĐ theo kế toán lớn hơn theo thuế.**
 - **Các khoản dự phòng phải trả:** bảo hành sản phẩm, tái cơ cấu doanh nghiệp, đối với các hợp đồng có rủi ro lớn, ...

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.1 Khái niệm, phương pháp tính:

- Phương pháp xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ:

$$\begin{array}{ccc} \text{Tài sản thuế} & & \text{Thuế suất} \\ \text{thu nhập hoãn} & & \text{thuế thu} \\ \text{lại tính trên} & = & \text{nhập doanh} \\ \text{lại tính trên} & & \text{nghiệp hiện} \\ \text{chênh lệch tạm} & & \text{hành} \\ \text{thời được khấu} & \times & \\ \text{trừ} & & \end{array}$$

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.1 Khái niệm, phương pháp tính:

Ví dụ: Xác định tài sản thuế TN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ: Công ty A ghi nhận một khoản nợ phải trả là chi phí phải trả về bảo hành SP có giá trị 10.000.000 đồng. Nhưng do mục đích tính thuế thu nhập, chi phí bảo hành SP chỉ được khấu trừ khi công ty thực sự phát sinh chi phí

Cơ sở tính thuế của khoản nợ phải trả này là 0 đồng

Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế 10.000.000 đồng

Tài sản thuế TN hoãn tính trên chênh lệch tạm thời được khấu trừ: $10.000.000 \times 28\% = 2.800.000$ đồng

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.1 Khái niệm, phương pháp tính:

b) Giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng

Cuối năm tài chính, căn cứ vào số lỗ hoạt động kinh doanh được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế các năm tiếp sau theo quy định chuyển lỗ của luật thuế TNDN, kế toán xác định và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm hiện hành, nếu doanh nghiệp dự tính là chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế thu nhập trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ tính thuế từ các năm trước đó.

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.1 Khái niệm, phương pháp tính:

b) Giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng:

Phương pháp tính:

Tài sản thuế
thu nhập hoãn
lại tính trên các
khoản lỗ tính
thuế chưa sử
dụng =

Giá trị được
khấu trừ vào
các năm tiếp
sau của các
khoản lỗ tính
thuế chưa sử
dụng

X Thuế suất
thuế thu
nhập doanh
nghiệp hiện
hành

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.1 Khái niệm, phương pháp tính:

Ví dụ: Doanh nghiệp A có kế hoạch chuyển lỗ phát sinh như sau:

Năm	Số lỗ phát sinh	Số lỗ chuyển sang năm 2007	Số lỗ chuyển sang năm 2008	Số lỗ chuyển sang năm 20..
2006	20.000.000	10.000.000	10.000.000	
Cộng	20.000.000	10.000.000	10.000.000	

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.1 Khái niệm, phương pháp tính:

Ví dụ: (tt)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tính trên các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng:

$$20.000.000 \times 28\% = 5.600.000 \text{ đồng}$$

Chú ý: Nếu các khoản lỗ không tính thuế (lỗ do vi phạm hợp đồng, lỗ do khuyến mãi vượt mức khống chế, ...) thì không tính tài sản thuế thu nhập hoãn lại tính trên các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.1 Khái niệm, phương pháp tính:

c) Giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng

Cuối năm tài chính, căn cứ các khoản ưu đãi thuế theo luật định (nếu có) chưa sử dụng, kế toán xác định và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm hiện hành, nếu doanh nghiệp dự tính chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế thu nhập trong tương lai để sử dụng các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng từ các năm trước đó.

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.1 Khái niệm, phương pháp tính:

c) Giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng
Phương pháp tính:

$$\begin{array}{l} \text{Tài sản thuế} \\ \text{thu nhập hoãn} \\ \text{lại tính trên các} \\ \text{khoản ưu đãi} \\ \text{thuế chưa sử} \\ \text{dụng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị được} \\ \text{khấu trừ của} \\ \text{các khoản ưu} \\ \text{đãi thuế chưa} \\ \text{sử dụng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất} \\ \text{thuế thu} \\ \text{nhập doanh} \\ \text{nghiệp hiện} \\ \text{hành} \end{array}$$

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.1 Khái niệm, phương pháp tính:

Ví dụ: Doanh nghiệp A năm 2007 có thu nhập từ hoạt động xuất khẩu 100.000.000 đồng, theo luật thuế hiện hành hoạt động này được giảm 50% thuế TNDN, biết thuế suất thuế TNDN 28%. Tuy nhiên trong năm doanh nghiệp vẫn nộp thuế đủ 100% số thuế phải nộp do còn thiếu một vài thủ tục hải quan cần thiết nhưng khoản giảm thuế này doanh nghiệp chắc chắn sẽ được chấp nhận sau khi hoàn tất một vài thủ tục hải quan.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tính trên các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng:

$$100.000.000 \times 50\% \times 28\% = 14.000.000 \text{ đồng}$$

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.2 Chứng từ sử dụng:

- Bảng xác định chênh lệch tạm thời được khấu trừ (Biểu số 03)
- Bảng xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Biểu số 05)
- Trường hợp doanh nghiệp không có khả năng chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, kế toán không được ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh trong năm. Toàn bộ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này được theo dõi riêng trên “Bảng theo dõi chênh lệch tạm thời được khấu trừ chưa sử dụng” (Biểu số 04)

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.3 Sổ kế toán sử dụng: theo HT Nhật ký chung

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 243, 8212, 911

1.2.1.4 Tài khoản sử dụng:

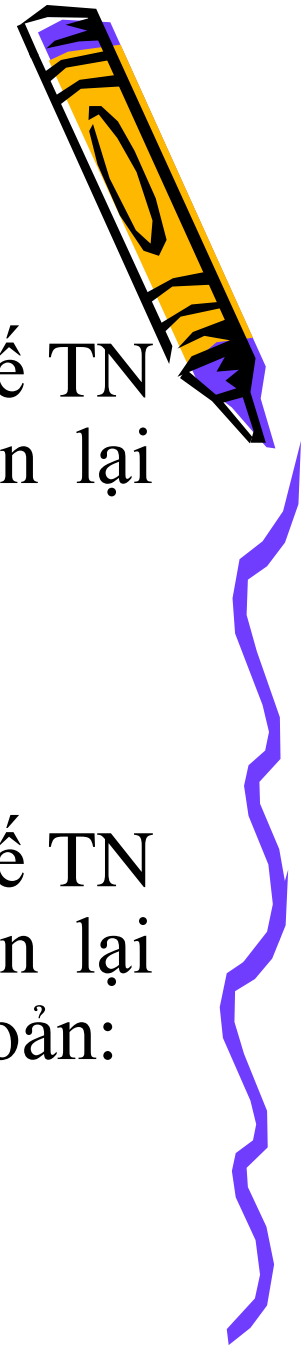
TK 243 “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại”

Bên Nợ: Giá trị tài sản thuế TN hoãn lại tăng

Bên Có: Giá trị tài sản thuế TN hoãn lại giảm

Số dư bên Nợ: Giá trị tài sản thuế TN hoãn lại còn lại cuối năm; điều chỉnh số dư đầu năm đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận (hoặc hoàn nhập) trong năm do áp dụng hồi tố chính sách kế toán hoặc sửa chữa hồi tố các sai sót trọng yếu của các năm trước.

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.5 Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

- **Nghiệp vụ 1:** Khi số CL giữa số tài sản thuế TN hoãn lại phát sinh < tài sản thuế TN hoãn lại được hoàn nhập trong năm:

Nợ TK 8212: Số chênh lệch

Có TK 243: Số chênh lệch

- **Nghiệp vụ 2:** Khi số CL giữa số tài sản thuế TN hoãn lại phát sinh > tài sản thuế TN hoãn lại được hoàn nhập trong năm, kế toán định khoản:

Nợ TK 243: Số chênh lệch

Có TK 8212: Số chênh lệch

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.5 Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Trường hợp tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ việc áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán hoặc điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của các năm trước

➤ **Nếu phải điều chỉnh tăng tài sản thuế thu nhập hoãn lại, ghi:**

Tăng số dư Nợ đầu năm TK 243

Tăng số dư Có đầu năm TK 4211 (Nếu TK 4211 có số dư Có), hoặc

Giảm số dư Nợ đầu năm TK 4211 (Nếu TK 4211 có số dư Nợ)

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

1.2.1.5 Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

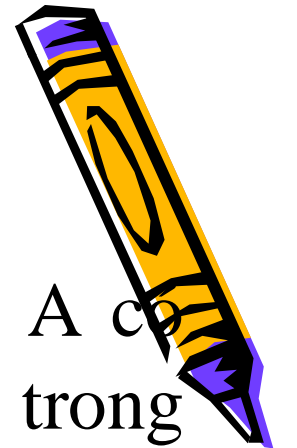
➤ Nếu phải điều chỉnh giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại, ghi:

Tăng số dư Nợ đầu năm TK 4211 (Nếu TK 4211 có số dư Nợ), hoặc

Giảm số dư Có đầu năm TK 4211 (Nếu TK 4211 có số dư Có)

Giảm số dư Nợ đầu năm TK 243

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

Ví dụ: Kết quả kinh doanh năm 2006 công ty A có lợi nhuận kế toán 100.000.000 đồng. Biết trong năm 2006, công ty:

- Có trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ 10.000.000 đồng;
- Số thuế TNDN tạm nộp cả năm 12.000.000 đồng (thuế suất 28%), công ty đã nộp hàng quý bằng tiền mặt

Yêu cầu: Tính CP thuế TNDN hiện hành, hoãn lại
Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

Chi phí thuế TNDN hiện hành, hoãn lại năm 2006

- Lợi nhuận kế toán 100.000.000 đồng
- Thu nhập chịu thuế theo luật thuế TNDN
 $100.000.000 + 10.000.000 = 110.000.000$ đồng
- Thuế TNDN phải nộp:
 $110.000.000 \times 28\% = 30.800.000$ đồng
- Chi phí thuế TNDN hiện hành 30.800.000 đồng
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại
 $10.000.000 \times 28\% = 2.800.000$ đồng

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

- Hàng quý tạm nộp thuế TNDN

Nợ TK 8211: 3.000.000 (12.000.000 / 4)

Có TK 3334: 3.000.000

- Nộp bằng tiền mặt

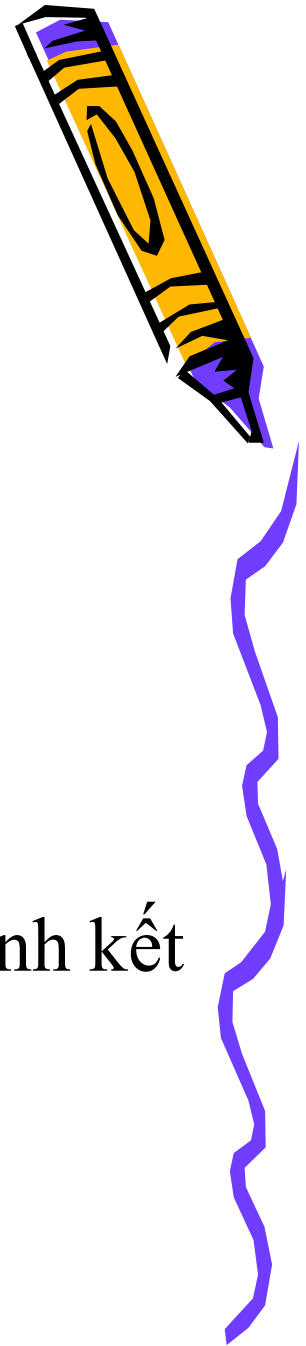
Nợ TK 3334: 3.000.000

Có TK 111: 3.000.000

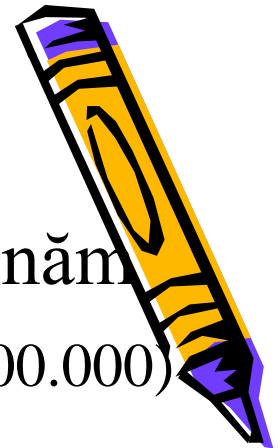
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN vào TK xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911: 3.000.000

Có TK 8211: 3.000.000



KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

- Số thuế TNDN phải nộp thêm khi lập BCTC năm
Nợ TK 8211: 18.800.000 (30.800.000 – 12.000.000)
Có TK 3334: 18.800.000
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN nộp thêm vào TK xác định kết quả kinh doanh
Nợ TK 911: 18.800.000
Có TK 8211: 18.800.000
- Do số hoàn nhập trong năm bằng 0, chỉ phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại 2.800.000 đồng
Nợ TK 243: 2.800.000
Có TK 8212: 2.800.000

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.1 Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại:

- Kết chuyển chi phí thuế TNDN hoãn lại vào TK xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 8212: 2.800.000

Có TK 911: 2.800.000

- Kết chuyển lợi nhuận sau thuế (lãi)

Nợ TK 911: 72.000.000 (100.000.000 –
30.800.000 + 2.800.000)

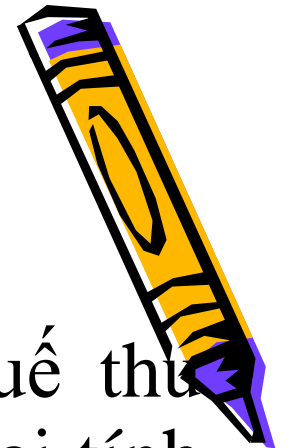
Có TK 4212: 72.000.000

Báo cáo kết quả kinh doanh Năm 2006



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm Trước
1	2	3	4	5
.....				
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			100.000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			30.800
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			(2.800)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60			72.000

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.2 Kế toán thuế TN hoãn lại phải trả:

1.2.2.1 Khái niệm, phương pháp tính

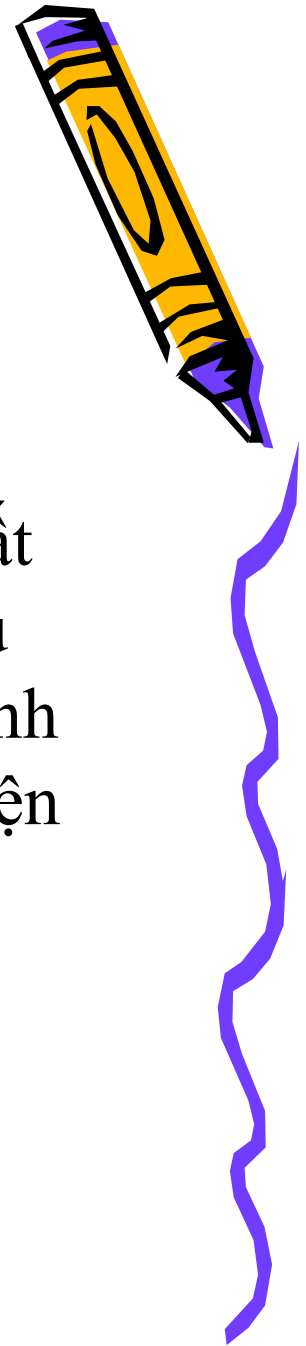
- **Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:** Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- **Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:** Là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh thu nhập chịu thuế khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong tương lai khi mà giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả liên quan được thu hồi hay được thanh toán.

Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh khi:

- + Giá trị ghi sổ của Tài sản $>$ Cơ sở tính thuế
- + Giá trị ghi sổ của Nợ phải trả $<$ Cơ sở tính thuế



KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.2 Kế toán thuế TN hoãn lại phải trả:

1.2.2.1 Khái niệm, phương pháp tính

- Phương pháp tính:

$$\begin{array}{l} \text{Thuế thu} \\ \text{nhập hoãn} \\ \text{lại phải trả} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng chênh} \\ \text{lệch tạm thời} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong năm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất} \\ \text{thuế thu} \\ \text{nhập doanh} \\ \text{nghiệp hiện} \\ \text{hành} \end{array}$$

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.2 Kế toán thuế TN hoãn lại phải trả:

1.2.2.1 Khái niệm, phương pháp tính

Ví dụ: Một TSCĐ có nguyên giá 15.000.000 đồng, giá trị đã khấu hao theo sổ kế toán 5.000.000 đồng, giá trị còn lại 10.000.000 đồng, giá trị đã khấu hao theo thuế thu nhập 9.000.000 đồng. Xác định thuế thu nhập hoãn lại phải trả

- Cơ sở tính thuế thu nhập của tài sản:
 $15.000.000 - 9.000.000 = 6.000.000$ đồng
- Chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh:
 $10.000.000 - 6.000.000 = 4.000.000$ đồng
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả
 $4.000.000 \times 28\% = 1.120.000$ đồng

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.2 Kế toán thuế TN hoãn lại phải trả:

1.2.2.2 Chứng từ:

- Bảng xác định chênh lệch tạm thời chịu thuế
(Biểu số 01)
- Bảng xác định thuế thu nhập hoãn lại phải trả
(Biểu số 02)

1.2.2.3 Sổ kế toán sử dụng: theo hình thức Nhật ký chung

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 347, 8212

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.2 Kế toán thuế TN hoãn lại phải trả:

1.2.2.4 Tài khoản sử dụng:

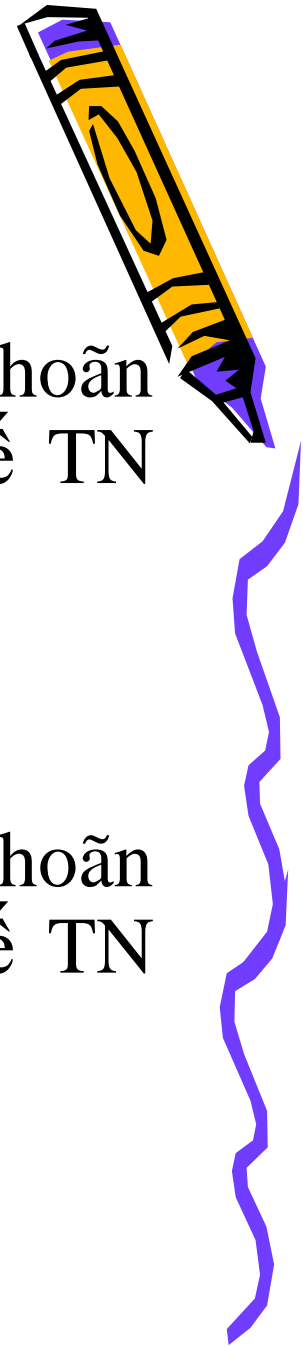
TK 347 “Thuế thu nhập hoãn lại phải trả”

Bên Nợ: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả giảm (được hoàn nhập) trong kỳ

Bên Có: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trong kỳ

Số dư bên Có: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả còn lại cuối kỳ; điều chỉnh số dư đầu năm đối với thuế thu nhập hoãn lại phải trả do áp dụng hồi tố chính sách kế toán hoặc sửa chữa hồi tố các sai sót trọng yếu của các năm trước.

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.2 Kế toán thuế TN hoãn lại phải trả:

1.2.2.5 Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

- **Nghiệp vụ 1:** Khi số CL giữa số thuế TN hoãn lại phải trả phát sinh trong năm $>$ số thuế TN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm:

Nợ TK 8212: Số chênh lệch

Có TK 347: Số chênh lệch

- **Nghiệp vụ 2:** Khi số CL giữa số thuế TN hoãn lại phải trả phát sinh trong năm $<$ số thuế TN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm:

Nợ TK 347: Số chênh lệch

Có TK 8212: Số chênh lệch

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.2 Kế toán thuế TN hoãn lại phải trả:

1.2.2.5 Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ việc áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán hoặc điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của các năm trước

➤ **Nếu phải điều chỉnh tăng thuế thu nhập hoãn lại phải trả, ghi:**

Tăng số dư Nợ đầu năm TK 4211 (Nếu TK 4211 có số dư Nợ), hoặc

Giảm số dư Có đầu năm TK 4211 (Nếu TK 4211 có số dư Có)

Tăng số dư Có đầu năm TK 347

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



1.2.2 Kế toán thuế TN hoãn lại phải trả:

1.2.2.5 Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

➤ Nếu phải điều chỉnh giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả, ghi:

Giảm số dư Có đầu năm TK 347

Tăng số dư Có đầu năm TK 4211 (Nếu TK 4211 có số dư Có), hoặc

Giảm số dư Nợ đầu năm TK 4211 (Nếu TK 4211 có số dư Nợ)

Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập hoãn lại

Ví dụ:

- Một tài sản cố định có nguyên giá là 15.000.000, giá trị đã khấu hao theo sổ kế toán 5.000.000, giá trị còn lại là 10.000.000; Giá trị đã khấu hao theo thuế thu nhập là 9.000.000.
- **Yêu cầu:** xác định thuế thu nhập hoãn lại phải trả, biết thuế suất thuế TNDN là 28%.
- Cơ sở tính thuế thu nhập của tài sản: 6.000.000 (15.000.000-9.000.000).
- Chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh: 10.000.000 - 6.000.000 = 4.000.000
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: 4.000.000 x 28% = 1.120.000



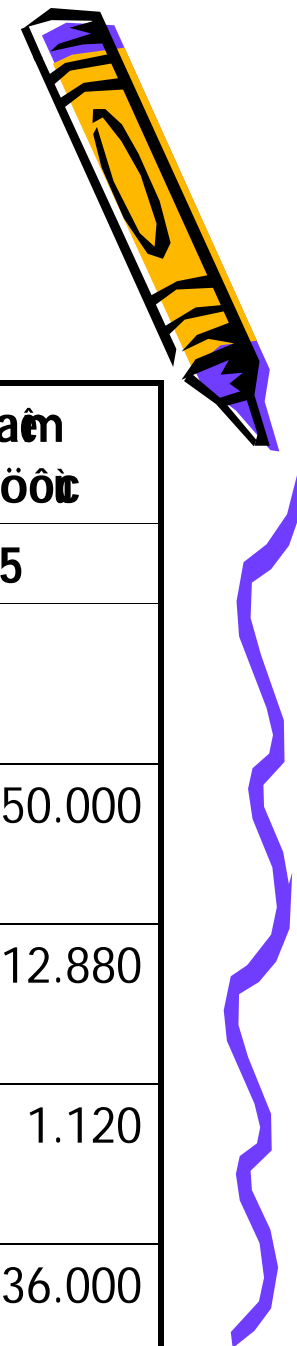
Ví dụ:

- Hãy định khoản nghiệp vụ trong ví dụ 1, sau đó lên báo cáo kết quả kinh doanh biết: năm 2006 doanh nghiệp có lợi nhuận kế toán: 50.000.000.
- - Do số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm (1.120.000) lớn hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm (0), kế toán ghi:
- Nợ TK 8212: 1.120.000
- Có TK 347: 1.120.000
- - Thuế TNDN hiện hành phải nộp: $(50.000.000 - 4.000.000) \times 28\% = 12.880.000$



Trích BCKQHĐKD

Năm 2007



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm Trước
1	2	3	4	5
.....				
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			50.000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			12.880
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			1.120
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60			36.000